

Số: 142/QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Chỉ định thầu đơn vị cung cấp vật tư thực tập cho Trường Cao đẳng Kỹ Thuật
Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1275/QĐ-GDDT-TC ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm cán bộ quản lý;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước, Tổ chức chính trị, Tổ chức hành chính - Xã hội, Tổ chức chính trị xã hội - Nghề nghiệp, Tổ chức xã hội, Tổ chức xã hội - Nghề nghiệp, Đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ vào nhu cầu cấp vật tư, tài sản máy móc thiết bị của các khoa, các phòng thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh đã được duyệt;

Căn cứ vào khả năng cung cấp, chất lượng sản phẩm và so sánh giá giữa các công ty cung cấp báo giá;

Căn cứ theo đề nghị của Trưởng phòng Thiết bị - Vật tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chọn đơn vị: CỬA HÀNG ĐIỆN – ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP HOÀNG MINH là đơn vị cung cấp.

Địa chỉ: 025 lô D, C/C Lý Thường Kiệt, Phường 7, Quận 11, TP.HCM.

Danh mục vật tư và đơn giá:

Stt	Tên vật tư	Mã hiệu / Xuất xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Điện trở 10 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
2	Điện trở 1 K Ω	Taiwan	Con	100	900	90,000
3	Điện trở 470 K Ω	Taiwan	Con	100	900	90,000
4	Điện trở 4,7 K Ω	Taiwan	Con	100	900	90,000
5	Điện trở 47 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
6	Điện trở 6,8 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
7	Điện trở 1,5 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
8	Điện trở 100 Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
9	Điện trở 12 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
10	Điện trở 15 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
11	Điện trở 2,2 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
12	Điện trở 220 Ω	Taiwan	Con	100	900	90,000
13	Điện trở 22 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
14	Điện trở 3,3 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
15	Điện trở 330 Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
16	Điện trở 2,7 K Ω	Taiwan	Con	50	900	45,000
17	Điện trở thanh 4,7 K Ω	Taiwan	Con	10	8,000	80,000
18	Đinh thép đóng tường thân nhỏ tán rộng 1,4-2cm	Đế đóng nẹp vuông	Hộp	3	40,000	120,000
19	Diode 10A		Con	15	30,000	450,000
20	Diode 20A	Russia	Cái	15	62,000	930,000
21	Diode chỉnh lưu 10A		Con	5	40,000	200,000
22	Diode chỉnh lưu 1A		Con	50	7,000	350,000
23	Diode chỉnh lưu cầu 1A		Con	15	30,000	450,000
24	Diode 1N 4007	Theo mẫu	Con	15	2,000	30,000
25	DOMINO 2p	Ngoại	Cái	25	32,000	800,000
26	DOMINO 3p	Ngoại	Cái	25	42,000	1,050,000
27	Động cơ bước 24v	Theo mẫu	Cái	2	4,970,000	9,940,000
28	Driver động cơ servo Mitsubishi + động cơ 400w	Theo mẫu	Bộ	1	9,800,000	9,800,000
29	FET IRF 3205	Taiwan	Con	15	45,000	675,000
30	FET IRF504	Taiwan	Con	25	40,000	1,000,000
31	Hút chì	Taiwan	Cái	10	95,000	950,000
32	IC IR 2184	Taiwan	Con	25	90,000	2,250,000

33	IC CD 4001	Taiwan	Con	15	11,000	165,000
34	IC CD 4017	Taiwan	Con	40	20,000	800,000
35	IC TB6560	Taiwan	Con	15	134,000	2,010,000
36	IC TCA 785	Taiwan	Con	40	160,000	6,400,000
37	IC 7905	Taiwan	Con	10	8,000	80,000
38	IC 7912	Taiwan	Con	10	9,000	90,000
39	IC 7924	Taiwan	Con	10	9,000	90,000
40	IC CD 4028	Taiwan	Con	15	13,000	195,000
41	IC CD 4516	Taiwan	Con	15	40,000	600,000
42	IC PC817	Taiwan	Con	15	6,000	90,000
43	IC 7402	Taiwan	Con	15	7,000	105,000
44	IC 7408	Taiwan	Con	15	9,000	135,000
45	IC 7404	Taiwan	Con	15	8,000	120,000
46	IC PIC 18F4550	Taiwan	Con	4	99,000	396,000
47	IC MOC 3020	Taiwan	Con	15	13,000	195,000
48	IC NE 555	Taiwan	Con	25	18,000	450,000
49	IC 6N137	Taiwan	Con	25	20,000	500,000
50	IC 4011	Taiwan	Con	25	9,800	245,000
51	IC 4017	Taiwan	Con	25	8,500	212,500
52	IC 7400	Taiwan	Con	25	7,800	195,000
53	IC 741	Taiwan	Con	25	10,000	250,000
54	IC 74164	Taiwan	Con	25	22,500	562,500
55	IC 7432	Taiwan	Con	25	15,000	375,000
56	IC 7486	Taiwan	Con	25	15,000	375,000
57	IC 74HC154EN+để loại nhỏ	Taiwan	Con	25	28,000	700,000
58	IC 89C51 (chữ vàng)	Taiwan	Con	25	73,000	1,825,000
59	IC ổn áp 7805	Taiwan	Con	35	7,000	245,000
60	IC ổn áp 7812	Taiwan	Con	25	7,000	175,000
61	IC ổn áp 7824	Taiwan	Con	35	7,000	245,000
62	IC PIC 18F4431	Taiwan	Con	10	7,000	70,000
63	Kìm cắt	Taiwan	Cái	8	135,000	1,080,000
64	Led siêu sáng trắng 6ly		Con	50	3,000	150,000
65	LED 6 ly đỏ	đỏ	Con	50	3,000	150,000
66	Mạch điều khiển USB mk1	Theo mẫu	Bộ	3	980,000	2,940,000
67	Mạch in 50x60		Tấm	8	130,000	1,040,000
68	Máng xương cá 25x25mm		Cây	25	18,000	450,000
69	Máng xương cá	33x33mm	Cây	25	20,000	500,000
70	Mặt nạ bảng điện âm tường Sino Để gắn	Công tắc, nút nhấn chuông âm tường	Cái	15	180,000	2,700,000

THAM
TRUON
CAO DA
KY THU
Y TU TI
P. HỒ CH

71	Mỏ hàn chì Asaki AK-9034 (60W) + Giá đỡ mỏ hàn		Cái	2	260,000	520,000
72	Mũi khoan 0,8 ly		Con	20	22,000	440,000
73	Mũi khoan 1 ly		Con	20	23,000	460,000
74	Mũi khoan 6 ly		Con	20	24,000	480,000
75	Nẹp vuông 1.0 x 1.5cm	VN	Cây	15	30,000	450,000
76	Nẹp vuông 2.0 x 2.5cm	VN	Cây	30	39,000	1,170,000
77	Nguồn tổ ong Omron S8JC-Z10005C	Ngoại	Cái	2	140,000	280,000
78	Nút nhấn chuông nổi		Cái	15	51,000	765,000
79	Nút nhấn chuông nổi Hình dáng giống công tắc 2 chấu nổi	Theo mẫu	Cái	10	180,000	1,800,000
80	Ổ cắm điện 4 lỗ	VN	Cái	10	82,000	820,000
81	Ổ cắm điện 6 lỗ tiến thành	VN	Cái	35	92,000	3,220,000
82	Ống ghen Φ 2		Sợi	20	4,200	84,000
83	Ống ghen Φ4		Sợi	20	4,300	86,000
84	Phích cắm điện (2 cực) 10-15A	Lioa	Cái	30	22,000	660,000
85	Phôi nhựa Φ40		Con	5	320,000	1,600,000
86	Pin 9V Camelion	ER 9V	Cái	15	14,000	210,000
87	Pin tiểu AA	Camelion	Cục	40	4,000	160,000
88	Pin tiểu AAA		Cục	40	4,000	160,000
89	Quang trở CDS		Con	40	8,000	320,000
90	Relay 24vDC 8chân+đế		Con	10	167,000	1,670,000
91	Relay 12vDC 5 chân		Con	25	110,000	2,750,000
92	SCR BT 151		Con	40	12,000	480,000
93	SCR 5P4M		Con	30	15,000	450,000
94	SCR BD 139		Con	30	28,000	840,000
95	Testboard trắng		Miếng	20	55,000	1,100,000
96	Thuốc ngâm mạch in		Bịch	7	100,000	700,000
97	Trạm cắm Đominô 12 pha	Taiwan	Con	10	110,000	1,100,000
98	Trạm cắm Đominô 20 pha	Taiwan	Con	10	120,000	1,200,000
99	Transistor B649	Taiwan	Con	50	12,000	600,000
100	Transistor BC 557	Taiwan	Con	50	8,000	400,000
101	Transistor Tip 122	Taiwan	Con	50	9,000	450,000
102	Transistor A1015	Taiwan	Con	50	9,000	450,000
103	Transistor A1013	Taiwan	Con	50	12,000	600,000
104	Transistor H1061	Taiwan	Con	50	11,000	550,000
105	Transistor 2N3005	Taiwan	Con	50	25,000	1,250,000
106	Transistor C1815	Taiwan	Con	50	3,000	150,000
107	Transistor C2383	Taiwan	Con	50	5,000	250,000

108	Transistor D468	Taiwan	Con	50	5,000	250,000
109	Tụ 103	Taiwan	Con	100	3,000	300,000
110	Tụ 4.7 μ F	Taiwan	Con	100	5,500	550,000
111	Tụ 104	Taiwan	Con	100	3,000	300,000
112	Tụ 470 μ F/50vDC	Taiwan	Con	50	7,000	350,000
113	Tụ 1 μ F	Taiwan	Con	50	3,500	175,000
114	Tụ 10 μ F	Taiwan	Con	50	6,000	300,000
115	Tụ 102	Taiwan	Con	55	3,000	165,000
116	Tụ 105	Taiwan	Con	55	3,000	165,000
117	Tụ 22 μ F	Taiwan	Con	50	4,200	210,000
118	Tụ 223	Taiwan	Con	50	4,000	200,000
119	Tụ 224	Taiwan	Con	50	4,000	200,000
120	Tụ 224/400vAC	Taiwan	Con	50	16,000	800,000
121	Tụ 332	Taiwan	Con	50	3,000	150,000
122	Tụ 333	Taiwan	Con	50	3,000	150,000
123	Tụ 33p	Taiwan	Con	50	4,000	200,000
124	Tụ 473	Taiwan	Con	50	3,000	150,000
125	Tụ 10 μ F 50v	Taiwan	Con	50	3,800	190,000
126	Tụ 1000 μ F/50vDC	Taiwan	Con	50	13,000	650,000
127	Tuốc nơ vít pake Φ 6, 30cm	Taiwan	Cây	5	135,000	675,000
TỔNG CỘNG:						91,686,000đ

(Bằng chữ: Chín mươi một triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn đồng chẵn)

Đơn giá trên đã bao gồm VAT, vận chuyển, bốc xếp.

Nguồn: chi hoạt động thường xuyên năm 2016.

Hình thức: trọn gói

Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Thiết bị - Vật tư, Phòng Kế hoạch - Tài chính và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.TB - VT.



Phạm Hữu Lộc